

# VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHI PHÍ MỤC TIÊU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP MAY MẶC VIỆT NAM

● ĐẶNG LAN ANH

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá khả năng thực hiện phương pháp chi phí mục tiêu tại các doanh nghiệp (DN) may mặc Việt Nam, từ đó, đề xuất các giải pháp vận dụng chi phí mục tiêu tại các DN này. Kết quả cho thấy việc vận dụng chi phí mục tiêu tại các DN này hoàn toàn cần thiết và có tính khả thi, các DN hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện phương pháp. Tác giả đã minh họa vận dụng chi phí mục tiêu gắn với đặc thù của DN may mặc Việt Nam.

**Từ khóa:** chi phí mục tiêu, doanh nghiệp may mặc, Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

Phương pháp chi phí mục tiêu (CPMT) là một trong các phương pháp kế toán quản trị hiện đại, tập trung vào kiểm soát chi phí ngay từ giai đoạn thiết kế và phát triển sản phẩm. Mục tiêu chính của phương pháp này là giảm tối đa chi phí sản xuất từ khi lên ý tưởng sản xuất sản phẩm cho tới khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Mặc dù chi phí là thấp nhất, nhưng tính năng và chất lượng của các sản phẩm vẫn đảm bảo, khách hàng vẫn hài lòng. CPMT giúp cho DN nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa quy trình sản xuất, sử dụng nguồn lực hiệu quả, giảm thiểu rủi ro tài chính. Đồng thời, thông tin CPMT giúp các nhà quản trị ra quyết định kinh doanh hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của DN. Ngành May mặc Việt Nam là một trong những ngành kinh tế chủ lực, đóng góp phần lớn vào GDP và kim ngạch xuất khẩu, tạo ra hàng trăm triệu việc làm cho người lao động trên khắp cả nước. Tuy nhiên, ngành May mặc Việt Nam phải cạnh tranh với các nước có ngành may mặc phát triển như

Trung Quốc, Bangladesh và Ấn Độ. Các thị trường xuất khẩu ngày càng đưa ra yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công ngày càng tăng cao đã ảnh hưởng tới lợi nhuận của các DN. Thêm vào đó, các DN còn phải định giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường để đảm bảo năng lực cạnh tranh. Do đó, để tồn tại và phát triển trong môi trường kinh doanh khắc nghiệt, các DN phải tìm giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Do đó, việc vận dụng CPMT tại các DN may mặc Việt Nam hoàn toàn cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu này tổng hợp cơ sở lý thuyết về phương pháp CPMT và đề xuất vận dụng CPMT tại các DN may mặc Việt Nam.

## 2. Cơ sở lý thuyết về phương pháp chi phí mục tiêu

Phương pháp CPMT có nguồn gốc từ Nhật Bản. Phương pháp này đã được áp dụng kể từ sau năm 1980 bởi các công ty lớn như Toyota, NEC, Sony và

Nissan. Trong các phương pháp kế toán quản trị chi phí hiện đại, phương pháp CPMT được đánh giá là phương pháp kế toán quản trị chi phí điển hình nhất của giai đoạn phát triển cao nhất (IFAC, 1988; Feil, P. và cộng sự, 2004; Ahn, H. và cộng sự, 2018). Trọng tâm của phương pháp này là hướng tới việc tạo ra giá trị thông qua việc xác định mức CPMT của sản phẩm mới, cung cấp thông tin cho quá trình lập kế hoạch và phát triển sản phẩm mới, kiểm soát chi phí bằng cách cắt giảm sự lãng phí trong sản xuất. Phương pháp CPMT là xác định chi phí sản xuất của một sản phẩm cụ thể mà khi đem bán sẽ tạo ra được mức lợi nhuận biên mong muốn (Ansari, S. và cộng sự, 2006; Everaert, P. và cộng sự, 2006). Thông thường, có 8 bước thực hiện CPMT tại DN (Ellram, L. M., 2006):

(1) Xác định giá bán mục tiêu; (2) Xác định lợi nhuận mục tiêu; (3) Tính toán CPMT; (4) Phân bổ CPMT cho các bộ phận; (5) Thiết kế và phát triển sản phẩm theo CPMT; (6) Đánh giá và điều chỉnh thiết kế để đáp ứng CPMT; (7) Sản xuất thử nghiệm và kiểm tra sự phù hợp với CPMT; (8) Sản xuất hàng loạt và giám sát chi phí liên tục.

Phương pháp CPMT phù hợp với những DN có quy trình sản xuất rõ ràng, sản xuất hàng loạt, quy mô lớn. Đặc biệt, phương pháp này phù hợp với các DN sản xuất hàng tiêu dùng vì thị trường nhạy cảm và vòng đời sản phẩm ngắn. Đặc biệt phù hợp với các ngành có sản phẩm luôn phải thay đổi đáp ứng nhu cầu thời trang, thị hiếu của khách hàng. Thêm vào đó, CPMT cũng phù hợp với các ngành kinh doanh chịu áp lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế, cần phải tuân thủ các yêu cầu chất lượng của bên đặt hàng nhưng vẫn phải có mức giá cả phù hợp. Việc áp dụng phương pháp này giúp các DN kiểm soát chi phí hiệu quả từ giai đoạn thiết kế đến sản xuất, đảm bảo sản phẩm có giá bán cạnh tranh và đạt được lợi nhuận mục tiêu.

### **3. Vận dụng phương pháp chi phí mục tiêu tại các DN may mặc Việt Nam**

#### **3.1. Khảo sát điều kiện vận dụng chi phí mục tiêu tại các DN may mặc Việt Nam**

Hiện nay, cả nước có khoảng 7.000 DN may mặc hoạt động, trong đó bao gồm cả DN có vốn

đầu tư nước ngoài (FDI) và DN nội địa. Ngành May mặc tiếp tục là ngành công nghiệp tạo ra nhiều việc làm nhất tại Việt Nam, với khoảng 2.5-3 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp. Các DN dệt may Việt Nam đang đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ sản xuất tiên tiến và tự động hóa để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Xu hướng ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng ngày càng phổ biến. Theo số liệu của Vitas, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2024 ước đạt 9,5 tỷ USD, tăng 9,62% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu ngành Dệt may Việt Nam năm 2024 ước đạt khoảng 45-50 tỷ USD, duy trì vị thế là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của quốc gia. Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản và Hàn Quốc. Ngành May mặc nội địa cũng tăng trưởng mạnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên, để tồn tại và phát triển trong môi trường kinh doanh khắc nghiệt, các DN phải tìm giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Vận dụng CPMT là hoàn toàn cần thiết, đồng thời, CPMT là phương pháp phù hợp với đặc điểm và tình hình hiện tại của các DN may mặc Việt Nam. Để đề xuất lộ trình vận dụng CPMT và giải pháp vận dụng phương pháp này tại các DN may mặc Việt Nam, tác giả đánh giá điều kiện vận dụng CPMT ở các DN may mặc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Qua số liệu khảo sát thực tế điều kiện vận dụng CPMT tại 55 DN may mặc, với thang đo từ 1-5: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý. Kết quả thu được 120 phiếu khảo sát, tác giả tổng hợp bằng phương pháp thống kê mô tả, thu được kết quả như Bảng 1.

Từ Bảng 1 cho thấy, tỉ lệ % các DN có đủ điều kiện (từ mức độ bình thường đến rất đồng ý) chiếm tỉ lệ cao hơn, giá trị trung bình của các biến quan sát cũng cho thấy giá trị trung bình đều từ 2,80 đến 3,90

**Bảng 1. Kết quả khảo sát về điều kiện vận dụng CPMT tại các DN may trên ở Việt Nam**

| Nội dung đánh giá                                                                                               | Giá trị trung bình |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1. Việc nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước trước khi tiến hành sản xuất sản phẩm của công ty rất tốt     | 3,68               |
| 2. Việc thu thập ý kiến của khách hàng về nhu cầu sản phẩm của công ty được thực hiện tốt                       | 3,87               |
| 3. Việc thu thập ý kiến của khách hàng về mức giá mong muốn của công ty được thực hiện tốt                      | 3,74               |
| 4. Sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty để thu thập thông tin về chi phí được thực hiện tốt               | 2,89               |
| 5. Sự phối hợp giữa công ty với các nhà cung cấp và chủ đầu tư để thu thập thông tin chi phí được thực hiện tốt | 2,85               |
| 6. Yếu tố thị trường có ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chi phí của công ty                                    | 2,80               |
| 7. Yếu tố khoa học kỹ thuật có ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chi phí của công ty                             | 3,35               |
| 8. Việc vận dụng CPMT trong kiểm soát chi phí là hoàn toàn cần thiết                                            | 3,48               |
| 9. Việc vận dụng CPMT trong kiểm soát chi phí là khả thi                                                        | 2,96               |
| 10. Chi phí sản xuất trong 3 năm của công ty là ít biến động                                                    | 3,67               |
| 11. Việc hạch toán chi tiết chi chí theo đối tượng, từng đơn vị trong công ty được thực hiện một cách thuận lợi | 3,90               |
| 12. Việc phân loại chi phí thành biến phí và định phí được thực hiện một cách thuận lợi                         | 3,44               |
| 13. Công ty không bị ràng buộc trong quyết định giá bán bởi các quy định, chính sách, chủ trương của Nhà nước   | 3,76               |

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

- được đánh giá là tốt, hầu như các DN có đủ khả năng để vận dụng CPMT tại để kiểm soát chi phí trong đơn vị mình.

**3.2. Giải pháp vận dụng chi phí mục tiêu tại các DN may mặc Việt Nam**

Mỗi DN có thể áp dụng CPMT một cách khác nhau tùy thuộc vào quy mô và lĩnh vực hoạt động, nhưng tiến trình cơ bản thường bao gồm các bước sau:

**3.2.1. Xác định giá bán mục tiêu**

Để xác định giá bán mục tiêu, các DN cần thực hiện nghiên cứu thị trường để hiểu biết nhu cầu của khách hàng, xu hướng thời trang và giá bán của đối thủ cạnh tranh. DN may mặc cần sử dụng các công cụ phân tích như khảo sát khách hàng, phân tích dữ liệu bán hàng trước đây và báo cáo thị trường để xác định giá bán hợp lý. Ví dụ: DN may mặc XYZ đang xây dựng giá bán cho sản phẩm áo sơ mi nam, bộ phận kinh doanh phân tích các đối thủ cạnh tranh trong phân khúc áo sơ mi nam đó, thu thập thông tin về giá bán, chất lượng, và các đặc điểm sản phẩm của đối thủ. Ngoài ra,

công ty tiến hành khảo sát nhu cầu, sở thích và mức giá mà khách hàng sẵn sàng chi trả bằng các công cụ khảo sát trực tuyến hoặc phỏng vấn trực tiếp. Để có đủ cơ sở đưa ra giá bán mục tiêu, DN cần phân tích dữ liệu bán hàng của các sản phẩm tương tự trong quá khứ, đánh giá xu hướng mua sắm và mức giá được khách hàng chấp nhận cao. Kết quả của giai đoạn này, DN phải xác định được khách hàng mục tiêu của họ sẵn sàng trả giá bao nhiêu cho sản phẩm mới.

**3.3.2. Xác định lợi nhuận mục tiêu**

Để xác định lợi nhuận mục tiêu, nhà quản trị cần xác định tỷ lệ lợi nhuận mong muốn dựa trên mục tiêu tài chính của DN. Sau đó, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận như chi phí cố định, chi phí biến đổi và điều kiện thị trường.

**3.3.3. Tính toán CPMT**

CPMT được đưa ra bởi những quan điểm thống nhất của nhóm thiết kế. CPMT phải được xác định sao cho nó có khả năng thực hiện được nhưng phải có sự nỗ lực tối đa để đạt được nó và để làm được điều này, trước hết cần ước tính CP sản phẩm cho

dòng sản phẩm. CPMT được tính bằng cách lấy giá bán mục tiêu trừ đi lợi nhuận mục tiêu, đảm bảo rằng CPMT bao gồm tất cả các khoản chi phí liên quan đến sản xuất và phân phối sản phẩm.

### 3.3.4. Phân bổ CPMT cho các bộ phận/giai đoạn

Việc xác định CPMT cần được tiến hành chi tiết cho từng bộ phận của sản phẩm. Việc xác định chi phí cho các thành phần phải dựa vào mức độ quan trọng của nó đối với sản phẩm, từ đó xác định tỷ lệ chi phí của từng thành phần trong tổng số chi phí của sản phẩm theo tỷ lệ thuận với mức độ quan trọng của nó. Với sản phẩm may, chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng lớn. Khi xem xét chi phí sản xuất mục tiêu, DN cần xem xét tính tiện ích (ví dụ như chất liệu của vải), tính thời trang (ví dụ như một số điểm nhấn khác biệt). (Bảng 2)

Ngoài ra, DN cần tiến hành phân chia CPMT cho các bộ phận như thiết kế, sản xuất, marketing và vận chuyển. Nhà quản lý cần xem xét kỹ lưỡng, đảm bảo mỗi bộ phận hiểu rõ vai trò của mình trong việc kiểm soát chi phí và đạt được CPMT. Việc xác định CPMT cho từng thành phần của sản phẩm phải có một hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật hợp lý, phù hợp với từng công đoạn sản xuất sản phẩm và điều kiện sản xuất hiện tại của DN.

**Bảng 2. Chi phí sản xuất mục tiêu**

Sản phẩm: Áo sơ mi (Mã số: ....)

| STT        | Khoản mục                   | ĐVT   | SL/1SP | Đơn giá | CPMT          |
|------------|-----------------------------|-------|--------|---------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Giai đoạn cắt</b>        |       |        |         | <b>54.500</b> |
| 1          | CPNVLT                      |       |        |         | 43.000        |
| 1.1        | Vải                         | Mét   | 1      | 40.000  | 40.000        |
| 1.2        | Mex                         | Mét   | 0.2    | 15.000  | 3.000         |
| 2          | CPNCTT                      |       |        |         | 8.000         |
| 2.1        | Cắt phá                     | phút  | 15     | 200     | 3.000         |
| 2.2        | Cắt gọt                     | Phút  | 15     | 200     | 3.000         |
| 2.3        | Đánh số                     | Phút  | 10     | 200     | 2.000         |
| 3          | Biến phí SXC                |       |        |         | 3.500         |
| <b>II</b>  | <b>Giai đoạn may</b>        |       |        |         | <b>29.474</b> |
| 1          | CPNVLT                      |       |        |         | 6.000         |
| 1.1        | Khuy, cúc                   | Chiếc | 10     | 500     | 5.000         |
| 1.2        | Chỉ                         | Mét   | 100    | 10      | 1.000         |
| 2          | CPNCTT                      |       |        |         | 15.400        |
| 2.1        | May tay                     | phút  | 15     | 200     | 3.000         |
| 2.2        | May cổ                      | Phút  | 20     | 200     | 4.000         |
| 2.3        | May sườn                    | Phút  | 12     | 200     | 2.400         |
| 2.4        | May hoàn thiện              | Phút  | 20     | 200     | 4.000         |
| 2.5        | Thùa khuy, cúc              | Phút  | 10     | 200     | 2.000         |
| 3          | Biến phí SXC                |       |        |         | 8.074         |
| <b>III</b> | <b>Giai đoạn hoàn thiện</b> |       |        |         | <b>10.500</b> |
| I          | CPNVLT                      |       |        |         | 2.000         |
| 1.1        | Nhãn mác                    | Chiếc | 1      | 2000    | 2.000         |
| 2          | CPNCTT                      |       |        |         | 4.500         |
| 2.1        | Là hoàn thiện               | Phút  | 15     | 150     | 2.250         |
| 2.2        | Gấp                         | Phút  | 5      | 150     | 750           |
| 2.3        | Đóng nhãn mác               | Phút  | 5      | 150     | 750           |
| 2.4        | Đóng gói                    | Phút  | 5      | 150     | 750           |
| 3          | Biến phí SXC                |       |        |         | 4.000         |
|            | Tổng                        |       |        |         | 94.474        |

Nguồn: Tác giả xử lý số liệu

### *3.3.5. Thiết kế và phát triển sản phẩm theo CPMT*

DN cần phối hợp giữa các bộ phận để thiết kế sản phẩm với chi phí phù hợp. Thiết kế sản phẩm đảm bảo vẫn giữ được sự sang trọng và độc đáo nhưng không tăng quá nhiều chi phí. DN cần chọn vải và các phụ liệu với chất lượng cao nhưng vẫn đảm bảo chi phí không vượt quá giới hạn đã xác định. Để việc thiết kế và phát triển sản phẩm tối ưu, cần thiết sử dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến để tối ưu hóa quy trình thiết kế và sản xuất.

### *3.3.6. Đánh giá và điều chỉnh thiết kế để đáp ứng CPMT*

Để đánh giá và điều chỉnh thiết kế đáp ứng CPMT, các DN cần thực hiện các bài kiểm tra và đánh giá thiết kế để đảm bảo chi phí sản xuất phù hợp với CPMT. Cần chú ý điều chỉnh thiết kế hoặc quy trình sản xuất nếu cần thiết để giảm chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Ví dụ: Nếu chi phí lao động ban đầu cao hơn dự kiến, DN có thể xem xét lại quy trình sản xuất để giảm thời gian gia công.

### *3.3.7. Sản xuất thử nghiệm và kiểm tra sự phù hợp với CPMT*

DN cần tiến hành sản xuất thử nghiệm để kiểm tra xem chi phí thực tế có phù hợp với CPMT hay không, điều chỉnh quy trình sản xuất dựa trên kết quả sản xuất thử nghiệm. Để thử nghiệm, bộ phận sản xuất cần chọn sản xuất số lượng nhỏ sản phẩm, ghi chú và ghi lại tất cả các chi phí liên quan đến sản xuất mẫu thử nghiệm, bao gồm cả chi phí nguyên liệu, lao động, và chi phí khác. Sau đó, tiến hành so sánh chi phí thực tế của mẫu thử nghiệm với CPMT đã xác định trước đó, phân tích các yếu tố gây ra sự khác biệt giữa chi phí thực tế và CPMT, bao gồm cả những yếu tố có thể kiểm soát được và không kiểm soát được. Nếu chi phí sản xuất thử nghiệm bé hơn hoặc bằng CPMT, DN tiến hành sản xuất hàng loạt. Ngược lại, nếu chi phí sản xuất thử nghiệm lớn hơn CPMT, DN cần sử dụng các biện pháp điều chỉnh. Chẳng hạn: điều chỉnh quy trình sản xuất để giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất nếu có thể; tìm kiếm các phương pháp tiết kiệm chi phí khác như sử dụng nguyên liệu thay thế, tối ưu hóa nguồn cung ứng, hoặc cải thiện hiệu suất lao

động. Nếu chi phí thực tế vượt quá mức CPMT một cách không thể kiểm soát, có thể cần điều chỉnh lại mục tiêu chi phí cho phù hợp với thực tế. DN cần tiến hành điều chỉnh cho đến khi CPMT vẫn nằm trong ranh giới chấp nhận được.

### *3.3.8. Sản xuất hàng loạt và giám sát chi phí liên tục*

Sau khi đã sản xuất và thử nghiệm thành công, DN mới bắt đầu sản xuất hàng loạt và liên tục giám sát chi phí sản xuất để đảm bảo chúng không vượt quá CPMT. DN cần sử dụng hệ thống quản lý chi phí và báo cáo tài chính để theo dõi và điều chỉnh chi phí kịp thời. DN sử dụng phần mềm quản lý sản xuất để giám sát chi phí hàng ngày và điều chỉnh quy trình sản xuất nếu cần thiết. Để giám sát chi phí, DN cần theo dõi và ghi lại chi phí sản xuất hàng loạt, bao gồm cả chi phí nguyên liệu, lao động, và các chi phí khác. Sau đó, bộ phận kế toán so sánh chi phí thực tế với mục tiêu chi phí đã đặt ra để xác định xem có sự chênh lệch nào và nếu có thì ở đâu. Ngoài ra, DN cần thực hiện kiểm tra chất lượng liên tục để đảm bảo sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đã đặt ra. Bằng cách thực hiện các hoạt động giám sát chi phí liên tục này, DN có thể đảm bảo rằng sản phẩm được sản xuất hàng loạt vẫn đáp ứng các mục tiêu về chi phí đã đặt ra và duy trì tính cạnh tranh trên thị trường.

Áp dụng phương pháp CPMT giúp các DN may mặc Việt Nam kiểm soát chi phí hiệu quả từ giai đoạn thiết kế đến sản xuất hàng loạt. Bằng cách thực hiện các bước cụ thể và sử dụng công nghệ tiên tiến, DN có thể đảm bảo sản phẩm có giá bán cạnh tranh và đạt được lợi nhuận mong muốn.

## **4. Kết luận**

Nghiên cứu đã khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp CPMT, sự cần thiết và phù hợp vận dụng CPMT tại các DN may mặc ở Việt Nam. Kết quả cho thấy việc vận dụng phương pháp CPMT tại các DN này là hoàn toàn khả thi và đáp ứng nhu cầu của nhà quản lý. Tác giả cũng đề xuất lộ trình và giải pháp vận dụng phương pháp CPMT, góp phần kiểm soát chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của các DN may mặc ở Việt Nam ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Ahn, H., Clermont, M., & Schwetschke, S. (2018). Research on target costing: Past, present and future. *Management Review Quarterly*, 68, 321-354.
2. Ansari, S., Bell, J., & Okano, H. (2006). Target costing: Uncharted research territory. *Handbooks of management accounting research*, 2, 507-530.
3. Ellram, L. M. (2006). The implementation of target costing in the United States: theory versus practice. *Journal of Supply Chain Management*, 42(1), 13-26.
4. Everaert, P., Loosveld, S., Van Acker, T., Schollier, M., & Sarens, G. (2006). Characteristics of target costing: Theoretical and field study perspectives. *Qualitative Research in Accounting & Management*, 3(3), 236-263.
5. Feil, P., Yook, K. H., & Kim, I. W. (2004). Japanese target costing: a historical perspective. *International Journal*, 11(1), 10-19.
6. VITAS (2024), Báo cáo ngành Dệt may quý I/2024.

**Ngày nhận bài: 15/4/2024**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/5/2024**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 16/5/2024**

*Thông tin tác giả:*

**TS. ĐẶNG LAN ANH**

**Trường Đại học Hồng Đức**

**APPLYING THE TARGET  
COSTING METHOD AT VIETNAMESE  
GARMENT ENTERPRISES**

● Ph.D **DANG LAN ANH**

Hong Duc University

**ABSTRACT:**

This study evaluated the ability to implement the Target Costing method in Vietnamese garment enterprises. Based on the study's findings, some solutions were proposed to apply this method to Vietnamese garment enterprises. The study's results show that the application of Target Costing method in Vietnamese garment enterprises is necessary and feasible, and Vietnamese garment enterprises are fully qualified to implement this method. This study also presented the application of the Target Costing method associated with the characteristics of Vietnamese garment enterprises.

**Keywords:** target costing, garment company, Vietnam.